



TCVN

[www.hoavinh.com.vn](http://www.hoavinh.com.vn)



**HOA VINH**

*Ống nhựa Hoa Vinh - Kỹ nguyên vươn mình*

**CATALOGUE**

**ỐNG GÂN XOẮN HDPE**

*Corrugated HDPE Pipe*

**ỐNG LUỖN DÂY ĐIỆN**

*PVC Rigid Conduit*



<b>Giới thiệu chung</b>   General Introduction .....	02
<b>Ống gân xoắn HDPE</b>   Corrugated HDPE Pipe .....	03
<b>Đặc điểm sản phẩm</b>   Product Features .....	04
<b>Quy cách sản phẩm</b>   Product Specifications .....	05
<b>Lợi ích sử dụng</b>   Usage Benefits .....	06
<b>Ưu điểm vượt trội</b>   Exclusive Advantages .....	07
<b>Phạm vi ứng dụng</b>   Scope of Application .....	09
<b>Ống luồn dây điện</b>   PVC Rigid Conduit .....	10
<b>Giới thiệu sản phẩm</b>   Product Introduction .....	11
<b>Ưu điểm sản phẩm</b>   Advantages .....	12
<b>Chi tiết các dòng sản phẩm</b>   PVC Rigid Conduits .....	13
<b>Phụ kiện ống luồn dây điện</b>   PVC Rigid Fittings .....	15
<b>Chứng chỉ chất lượng</b>   Quality Certificates .....	20



## Nhà sản xuất giải pháp ống nhựa & phụ kiện phục vụ ngành xây dựng và hạ tầng điện tại Việt Nam

Vietnamese Manufacturer of Plastic Conduits & Fittings for the Construction and Electrical infrastructure Sectors

Khởi nguồn từ thôn Vinh Hoa (Phú Thọ) – nơi đặt nhà máy đầu tiên, **HOAVINH** đang từng bước trở thành thương hiệu uy tín trong ngành ống nhựa. Với triết lý **“Vươn tới sự tinh hoa và phồn vinh thịnh vượng”**, HOAVINH cam kết mang đến những sản phẩm **an toàn – bền vững – đạt chuẩn quốc tế**, phục vụ từ xây dựng dân dụng, hạ tầng đô thị đến công nghiệp chuyên biệt.

Nhà máy **HOAVINH** được đầu tư đồng bộ, ứng dụng công nghệ tiên tiến và hệ thống quản lý chất lượng đạt chuẩn **ISO 9001:2015**. Nguyên liệu **100% nguyên sinh** được chọn lọc từ các nhà cung cấp uy tín, thân thiện môi trường – không chứa chất độc hại. HOAVINH đảm bảo kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ khâu phối trộn, tạo hình đến đóng gói, tạo ra thành phẩm đạt **độ bền cơ học, khả năng chịu va đập, kháng ăn mòn và tuổi thọ vượt trội**.

Song song, **HOAVINH** kiên định theo đuổi **sản xuất xanh – phát triển bền vững**, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, góp phần kiến tạo hạ tầng hiện đại và môi trường sống an toàn cho cộng đồng.

*Originating from Vinh Hoa village (Phu Tho), **HOAVINH** is, step-by-step, becoming a trusted brand in the plastic pipe industry. Guided by the philosophy **“Reaching for excellence and prosperity”**, HOAVINH is committed to delivering **safe, sustainable, and internationally certified products**, serving civil construction, urban infrastructure, and specialized industries.*

*The **HOAVINH** factory is comprehensively invested, applying advanced technology and a quality management system certified to **ISO 9001:2015**. **All raw materials are 100% virgin**, carefully selected from reputable suppliers, environmentally friendly, and free from harmful substances. We ensure strict quality control across all stages – from raw material selection and blending to extruding and packaging – to deliver products with **high mechanical strength, impact resistance, corrosion protection, and long service life**.*

*At the same time, **HOAVINH** is committed to pursuing **green production & sustainable development**, adopting energy-saving technologies, reducing emissions, and contributing to the creation of modern infrastructure and a safe living environment for the community.*

# ỐNG GÂN XOẮN HDPE

## Corrugated HDPE Pipe



# ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM | PRODUCT FEATURES



## ỐNG GÂN XOẮN HDPE – GIẢI PHÁP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM CHỨNG QUA HƠN 50 NĂM

### Trên thế giới:

- Ống gân xoắn HDPE ra đời từ thập niên 1960 tại châu Âu và Mỹ, nhờ ưu điểm nhẹ – bền – tuổi thọ cao, ống nhanh chóng thay thế ống bê tông, ống thép trong nhiều hạng mục hạ tầng.
- Hiện nay, ống gân xoắn HDPE đã trở thành chuẩn mực trong các dự án điện lực, viễn thông,... tại các quốc gia phát triển.

### Tại Việt Nam:

- Ống gân xoắn HDPE xuất hiện từ đầu những năm 2000 ở các dự án hạ tầng lớn.
- Sau hơn 20 năm, sản phẩm đã chứng minh độ bền và tính kinh tế vượt trội, được tin dùng trong hầu hết các công trình ngầm hóa lưới điện, cáp quang, hạ tầng khu công nghiệp và đô thị.

### Đặc biệt với HOAVINH:

Ống gân xoắn HOAVINH được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật Hàn Quốc KS C 8455, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn Việt Nam như TCVN 8699:2011 và TCVN 7997:2009, đảm bảo chất lượng đồng bộ và độ tin cậy cao cho các hệ thống hạ tầng ngầm.

## CORRUGATED HDPE PIPE – A PROVEN SOLUTION WITH OVER 50 YEARS OF USE

### Worldwide:

- Corrugated HDPE pipes were first introduced in the 60s in Europe and the US. With advantages of being lightweight, durable, and long-lasting, they quickly replaced concrete and steel pipes in many infrastructure applications.
- Today, corrugated HDPE pipes have become the standard in power, telecommunications, and infrastructure projects in developed countries.

### In Vietnam:

- Corrugated HDPE pipes were introduced in the early 2000s in major infrastructure projects.
- After more than 20 years, the product has proven its outstanding durability and cost efficiency, trusted in most underground power grid, fiber optic, industrial, and urban infrastructure projects.

### With HOAVINH:

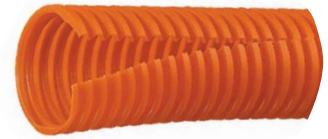
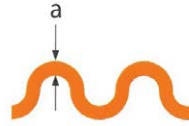
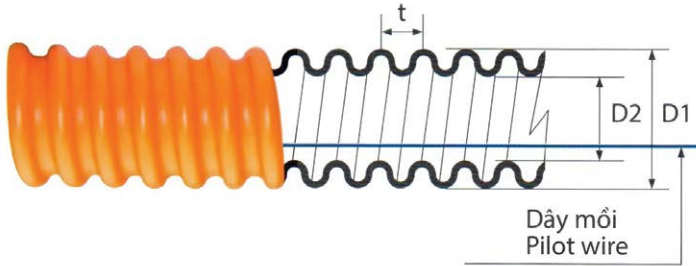
HOAVINH corrugated pipes are manufactured on modern production lines, meeting Korean Standard KS C 8455, while strictly complying with Vietnamese standards such as TCVN 8699:2011 and TCVN 7997:2009. This ensures consistent quality and high reliability for underground infrastructure systems.

# QUY CÁCH SẢN PHẨM | PRODUCT SPECIFICATIONS

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **KS C 8455:2005**

**Ống nhựa gân xoắn HDPE HOAVINH** được sản xuất bằng nguyên liệu **HDPE nguyên sinh**, nên bề mặt sản phẩm nhẵn bóng, màu sắc đồng nhất, không mùi.

**HOAVINH Corrugated HDPE Pipes** are made from **virgin HDPE resin**, so they are characterized by their smooth and shiny appearance, homogeneity in color, and inodorousness.



**Kiểm tra độ dày thành ống**  
Test wall thickness of pipe

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT ỐNG GÂN XOẮN HDPE HOAVINH

HOAVINH CORRUGATED HDPE PIPE TECHNICAL SPECIFICATIONS

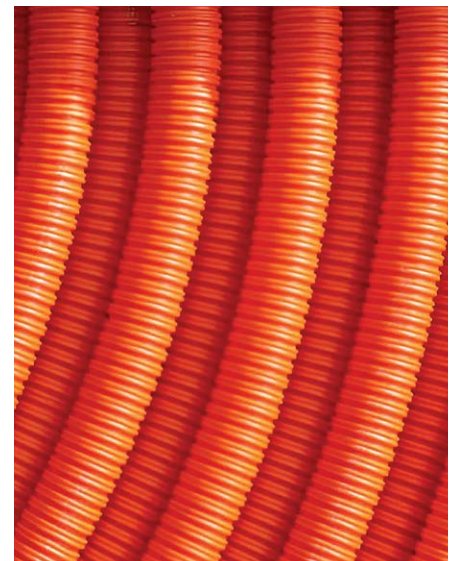
Tên sản phẩm Item Code	Đường kính ngoài Outer Diameter (D1/mm)	Đường kính trong Inner Diameter (D2/mm)	Độ dày thành ống Wall thickness (a/mm)	Bước xoắn Pitch (t/mm)	Độ dài Standard Length (m)	Bán kính uốn tối thiểu Minimum bending radius (mm)	Chiều cao/đường kính ngoài cuộn ống Standard height and outer diameter of coil (m)
D40/30	40 ± 2.0	30 ± 2.0	1.5 ± 0.30	10 ± 0.5	100 ÷ 200	100	0.50 x 1.2
D65/50	65 ± 2.0	50 ± 2.5	1.7 ± 0.30	17 ± 1.0	50 ÷ 100	200	0.60 x 1.6
D112/90	112 ± 3.5	90 ± 3.5	2.1 ± 0.35	25 ± 1.0	50 ÷ 100	350	0.75 x 1.9
D130/100	130 ± 4.0	100 ± 4.0	2.2 ± 0.40	30 ± 1.0	50 ÷ 100	400	0.85 x 2.0

- \* Sản phẩm có thể sản xuất riêng theo yêu cầu của quý khách hàng.
- \* *The product can be manufactured according to customer's request.*

Chọn đường kính trong ống  $\geq 1,5$  lần đường kính ngoài của cáp điện và  $\geq 2$  lần đối với cáp thông tin.

*The inner diameter of the pipe must be at least 1.5 time the outer diameter of the power cable or 2.0 times that of the communication cable to be accommodated.*

- Sản phẩm đạt được các chỉ số về độ chịu lực ép nén theo tiêu chuẩn KS C 8455:2005, TCVN 8699:2011 và TCVN 7997:2009.
- *Products reach index of compressive strength in accordance with KS C 8455:2005, TCVN 8699:2011 and TCVN 7997:2009.*



# LỢI ÍCH SỬ DỤNG | USAGE BENEFITS

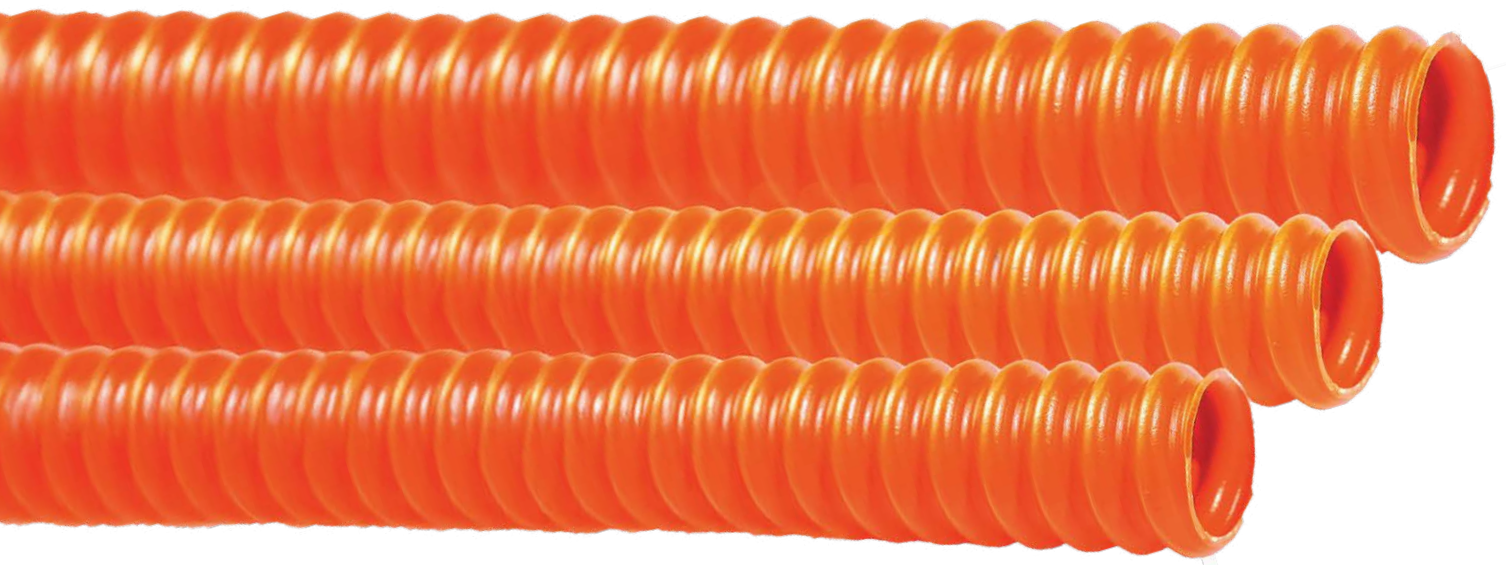
## ỐNG GÂN XOẮN HDPE – GIẢI PHÁP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM CHỨNG QUA HƠN 50 NĂM

1. Giảm thiểu chi phí lắp đặt:
  - Tiết kiệm thời gian thi công;
  - Tiết kiệm nhân công;
  - Tiết kiệm chi phí quản lý, vận hành;
2. Nâng cấp, cải tạo, thay thế, sửa chữa cáp ngầm đơn giản, chi phí thấp.
3. Không phải đào đường, đào vĩa hè, bổ sung thêm dây dễ dàng vào ống đặt sẵn.

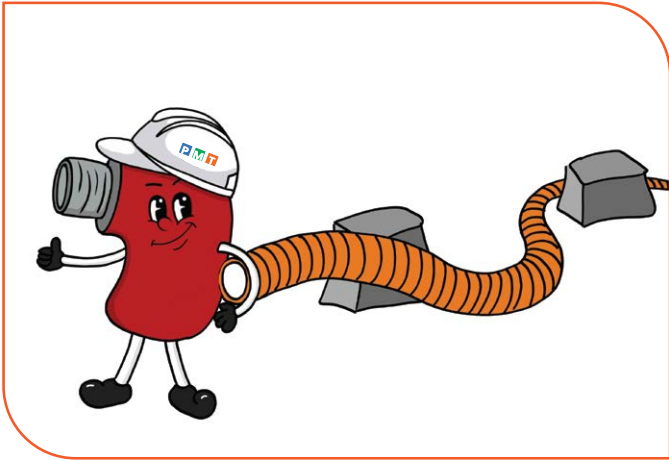
## CORRUGATED HDPE PIPE – A PROVEN SOLUTION WITH OVER 50 YEARS OF USE

1. Minimized costs to installation:
  - Save construction time;
  - Save labour expenditure;
  - Save expenditure of control and operation;
2. Simplicity in repair and refurbishment of underground installations, at reduced cost.
3. Cables can be replaced or added without damaging the pavement.

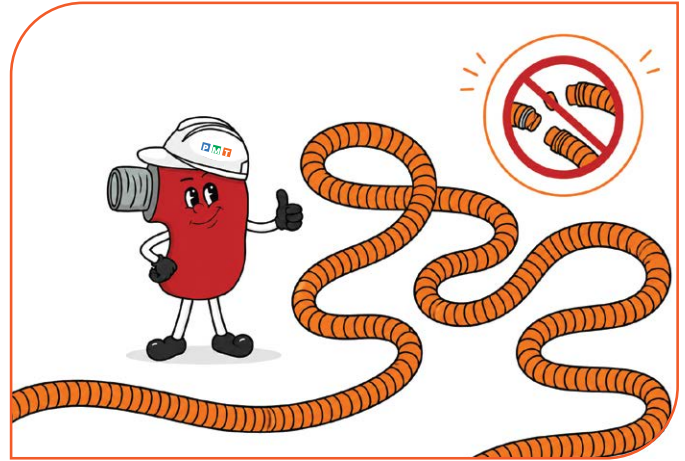
Chỉ tiêu <i>Items</i>	Điện áp đánh thủng <i>Breakdown voltage</i>	Tình trạng sau khi bị nén bẹp <i>Flat-pressed</i>	Ảnh hưởng môi trường có hoạt tính hóa học <i>Exposed to chemical active environment</i>	Khả năng thi công trong địa hình phức tạp <i>Practicability in unfavorable conditions</i>	Độ dài tối đa của ống <i>Maximum conditions length</i>
Ống thép <i>Steel pipe</i>	Dẫn điện <i>Conductor</i>	Bẹp vĩnh viễn <i>Permanently flattened</i>	Bị ăn mòn, gỉ <i>Corrosion, rust</i>	Rất khó <i>Poor</i>	6 m
Ống nhựa thẳng PVC <i>Straight PVC pipe</i>	10 kV	Vỡ <i>Broken</i>	Giòn, dễ vỡ <i>Brittle, easily broken</i>	Rất khó <i>Poor</i>	6 - 10 m
Ống nhựa gân xoắn HDPE HOA VINH <i>HOA VINH corrugated HDPE pipe</i>	40 kV	Khôi phục 90% nguyên dạng <i>Restored to 90% of the original shape</i>	Đàn hồi, ít bị ảnh hưởng của lão hóa <i>Resilient, less affected by ageing</i>	Rất dễ <i>Very good</i>	30 - 500 m



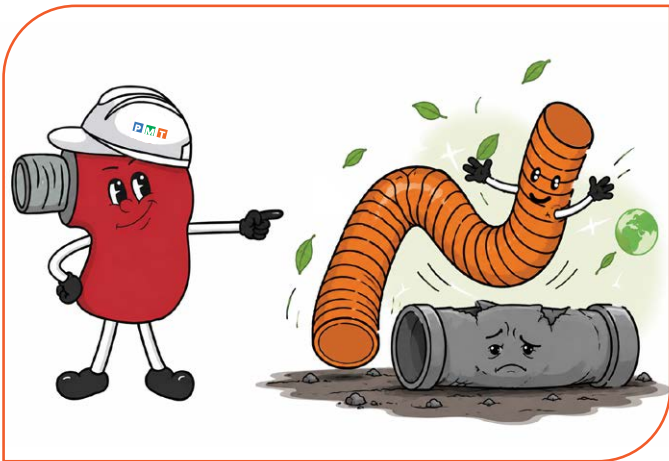
# ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI | EXCLUSIVE ADVANTAGES



**Đễ dàng uốn cong, lượn theo các vật cản**  
*Flexible to curve around obstacles*



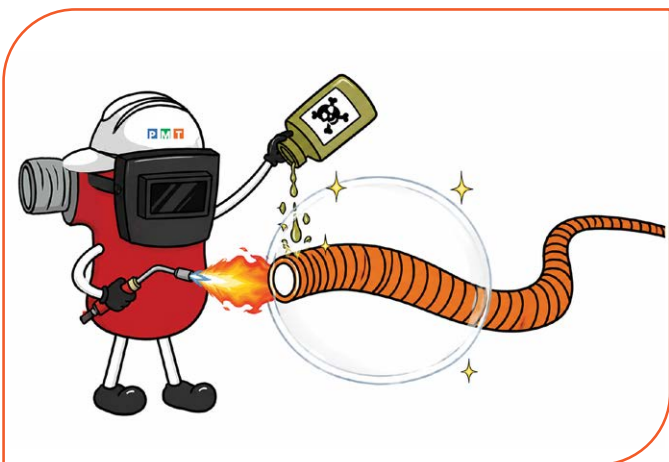
**Độ dài liên tục tới 1000 m, hạn chế mỗi nối**  
*Available in continuous lengths up to 1000m, reducing joints*



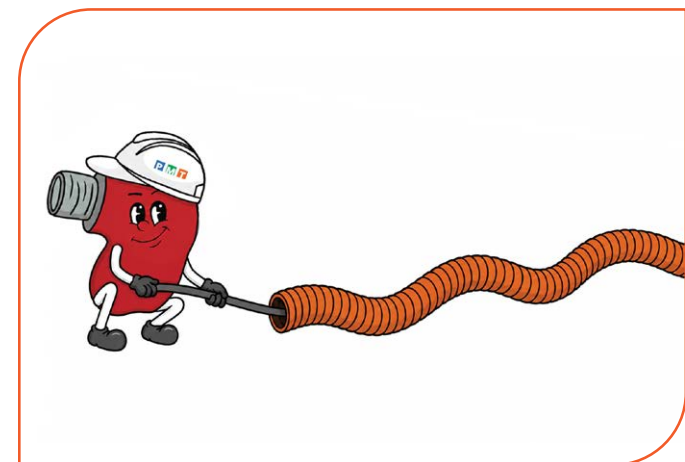
**Tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu vật liệu chế tạo nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cao**  
*Saving resources, minimizing material used while ensuring high quality*



**Khả năng chịu ăn mòn và tác động khắc nghiệt của thời tiết**  
*Highly resistant to severe corrosion and weathering*

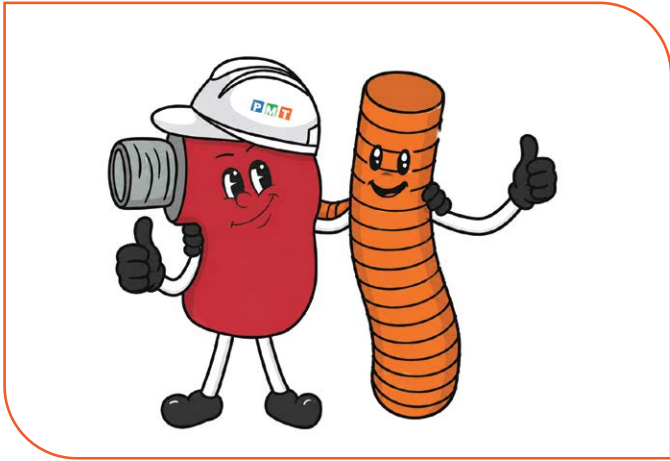


**Khả năng chịu hoá chất, nhiệt độ cao**  
*Resistant to chemicals and high temperatures*

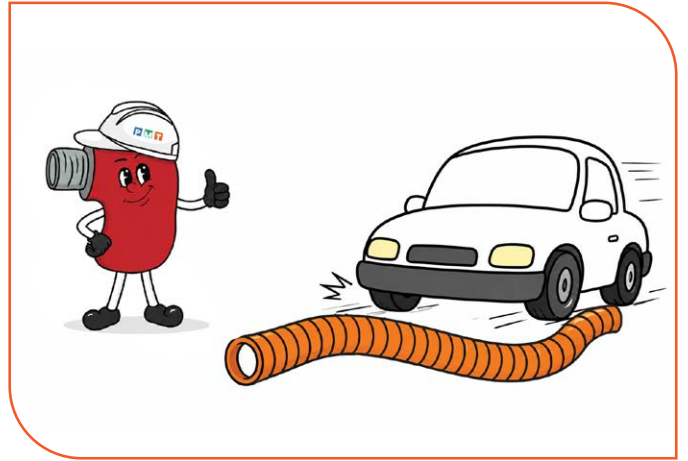


**Kéo cáp dễ dàng**  
*Allows easy cable pull-in*

# ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI | EXCLUSIVE ADVANTAGES



**Độ tin cậy cao**  
*Highly reliable*



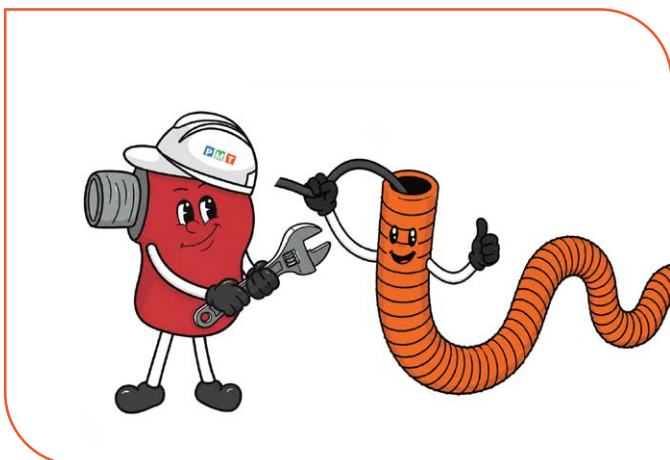
**Khả năng chịu nén cao**  
*High flattening strength*



**Luôn cáp dễ dàng, có thể bố trí hố ga cách xa nhau hơn**  
*Allows easy cable pull in and permits longer distances between handholes*



**An toàn khi xảy ra động đất, sụt lún đất, v.v.**  
*Safety against earthquakes, ground subsidence, etc.*



**Thuận lợi cho việc thay thế và bảo dưỡng cáp**  
*Best convenience for future replacement and maintenance works*



**Tính kinh tế cao**  
*High economic efficiency*

# PHẠM VI ỨNG DỤNG | SCOPE OF APPLICATION



**Công trình cáp ngầm hệ thống chiếu sáng**  
*Underground cable system for public lighting*



**Công trình cáp ngầm tại cảng**  
*Underground cable system in ports*



**Công trình cáp ngầm tại các khu đô thị**  
*Underground cable system for urban areas*



**Công trình cáp ngầm tại các khu công nghiệp**  
*Underground cable system for industrial zones*



**Công trình cáp ngầm trên đường cao tốc**  
*Underground cable system for highways*



**Công trình cáp ngầm tại các khu nghỉ dưỡng**  
*Underground cable system in resorts*



**Công trình cáp ngầm nội đô thành phố**  
*Underground cable system in downtown areas*



**Cáp nối trung, hạ thế và cáp quang viễn thông**  
*Cable connection system in low/ medium voltage projects and telecommunication fiber optic projects*

# **ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN**

## **PVC Rigid Conduit**





## **HOAVINH – Giải pháp an toàn, bền bỉ và hiệu quả kinh tế**

Ống luồn dây điện HOAVINH được sản xuất từ nhựa PVC và uPVC. Sản phẩm không chứa hóa chất độc hại, an toàn cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.

Được thiết kế để đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống điện hiện đại, ống nhựa HOAVINH giúp bảo vệ dây dẫn tối ưu, thi công linh hoạt (đi nổi, âm tường, âm sàn, treo trần), tiết kiệm 25–40% chi phí so với ống kim loại truyền thống và phù hợp với nhiều loại công trình: dân dụng, thương mại, công nghiệp.

### **Quy cách sản phẩm:**

HOAVINH cung cấp đa dạng kích thước tiêu chuẩn:  $\Phi 16$ ,  $\Phi 20$ ,  $\Phi 25$ ,  $\Phi 32$ ,  $\Phi 40$ ,  $\Phi 50$ ,  $\Phi 63$ ,... phù hợp với mọi yêu cầu lắp đặt, đi kèm đầy đủ phụ kiện.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm đầu ra, đảm bảo độ ổn định, đồng đều và hiệu quả sử dụng cao.

## **HOAVINH – Safe, Durable & Cost-Effective**

*HOAVINH rigid conduits are manufactured from premium-grade PVC and uPVC. Our lead-free, non-toxic formulation ensures user safety and environmental responsibility.*

*Designed to meet the requirements of modern electrical and M&E systems, HOAVINH conduits provide optimal cable protection, flexible installation (surface-mounted, recessed, underfloor, overhead), save 25–40% in cost compared to metal conduits and are suitable for residential, commercial, and industrial applications.*

### **Available Sizes:**

*Standard sizes include  $\Phi 16$ ,  $\Phi 20$ ,  $\Phi 25$ ,  $\Phi 32$ ,  $\Phi 40$ ,  $\Phi 50$ ,  $\Phi 63$ ,... compatible with a full range of accessories. Manufactured on modern production lines with strict quality control, HOAVINH conduits ensure consistent performance, durability, and installation efficiency.*

## CÁCH ĐIỆN VƯỢT TRỘI

Ống nhựa sở hữu khả năng cách điện hoàn hảo, chịu được điện áp cao, đảm bảo an toàn khi sử dụng. Sản phẩm ống nhựa luồn dây điện uPVC có thể chịu được điện áp cao mà không bị phá vỡ kết cấu, loại bỏ nguy cơ rò rỉ điện.

## CHỊU NÉN TỐT

Ống có độ bền chịu nén cao, có thể lắp đặt trực tiếp trong tường bê tông mà không ảnh hưởng đến chất lượng.

## CHỐNG CHÁY LAN HIỆU QUẢ

Vật liệu ống có khả năng tự chống cháy, hạn chế tối đa nguy cơ cháy lan, đảm bảo an toàn cho hệ thống điện.

## CHỐNG ẨM, CHỐNG AXIT

Ống không bị ảnh hưởng bởi độ ẩm, không bị tác động bởi các phản ứng điện hóa gây ăn mòn như ở kim loại. Chống chịu tốt với môi trường có axit, kiềm.

## CHỐNG MỐI MỌT

Ống hạn chế tối đa việc bị mối mọt, côn trùng cắn phá, đảm bảo độ bền và tính ổn định lâu dài.

## DỄ DÀNG UỐN CONG

Chỉ cần lắp lò xo vào trong ống, có thể dễ dàng uốn cong theo yêu cầu mà không cần gia nhiệt.

## LẮP ĐẶT THUẬN TIỆN

Việc kết nối ống và các phụ kiện đi kèm đơn giản, nhanh chóng với mối ghép đảm bảo.

## EXCELLENT ELECTRICAL INSULATION

The conduit offers outstanding electrical insulation and high resistance to voltage breakdown. With uPVC conduits, there is no risk of electric shock, as the product can withstand high voltage without structural damage.

## HIGH COMPRESSION RESISTANCE

The conduit has excellent compression strength, allowing it to be embedded directly in concrete without compromising durability.

## GOOD FIRE RESISTANCE

The conduit is made from flame-retardant material, effectively preventing flame spread and enhancing overall fire safety.

## CORROSION RESISTANCE

The conduit is highly resistant to moisture and is not affected by corrosion caused by acids, alkalis, oils, or other aggressive substances, ensuring long-term performance.

## TERMITE/ INSECT RESISTANCE

The conduit prevents damage caused by insects, maintaining structural integrity in harsh environments.

## FLEXIBLE AND EASY TO BEND

By inserting a spring into the conduit, it can be easily bent to the required angle without the need for heating, making installation more convenient.

## QUICK AND EASY INSTALLATION

The conduit and its accessories can be quickly and securely connected, ensuring reliable and efficient installation.



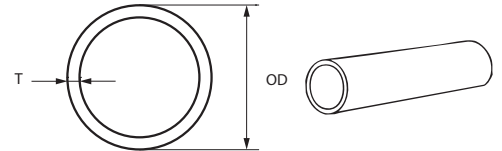
# CHI TIẾT CÁC DÒNG SẢN PHẨM | PVC RIGID CONDUIT

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## ỐNG LUỒN TRÒN uPVC HOAVINH A+ | 1250N

HOAVINH A+ HEAVY DUTY uPVC CONDUIT | 1250N

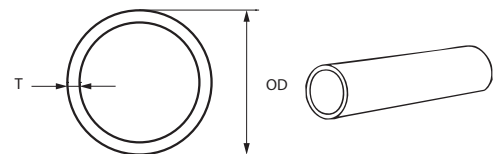
Mã sản phẩm <i>Item Code</i>	Kích thước - Size (mm)	
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Bề dày ống <i>Wall Thickness (mm)</i>
Φ16D3	16	1.70
Φ20D3	20	2.00
Φ25D3	25	2.00
Φ32D3	32	2.50
Φ40D3	40	2.80
Φ50D3	50	3.10



## ỐNG LUỒN TRÒN uPVC HOAVINH A+ | 750N

HOAVINH A+ MEDIUM DUTY uPVC CONDUIT | 750N

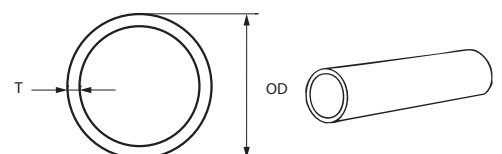
Mã sản phẩm <i>Item Code</i>	Kích thước - Size (mm)	
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Bề dày ống <i>Wall Thickness (mm)</i>
Φ16D2	16	1.40
Φ20D2	20	1.60
Φ25D2	25	1.80
Φ32D2	32	2.10
Φ40D2	40	2.30
Φ50D2	50	2.60
Φ63D2	63	3.00
Φ75D2	75	3.10



## ỐNG LUỒN TRÒN uPVC HOAVINH A+ | 320N

HOAVINH A+ LIGHT DUTY uPVC CONDUIT | 320N

Mã sản phẩm <i>Item Code</i>	Kích thước - Size (mm)	
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Bề dày ống <i>Wall Thickness (mm)</i>
Φ16D1	16	1.20
Φ20D1	20	1.40
Φ25D1	25	1.50
Φ32D1	32	1.86
Φ40D1	40	2.10
Φ50D1	50	2.40



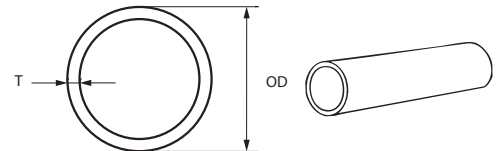
# CHI TIẾT CÁC DÒNG SẢN PHẨM | PVC RIGID CONDUIT

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## ỐNG LUỒN TRÒN uPVC HOAVINH PT | 750N

HOAVINH PT MEDIUM DUTY uPVC CONDUIT | 750N

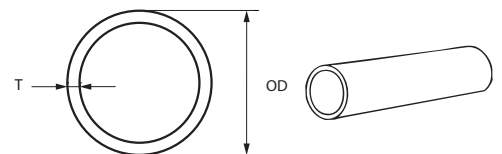
Mã sản phẩm <i>Item Code</i>	Kích thước - Size (mm)	
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Bề dày ống <i>Wall Thickness (mm)</i>
Φ16D2E	16	1.30
Φ20D2E	20	1.50
Φ25D2E	25	1.70
Φ32D2E	32	1.90



## ỐNG LUỒN TRÒN uPVC HOAVINH PT | 320N

HOAVINH PT LIGHT DUTY uPVC CONDUIT | 320N

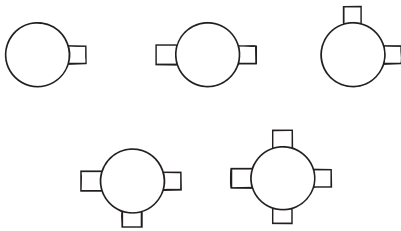
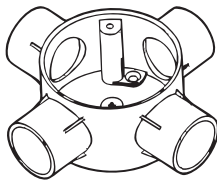
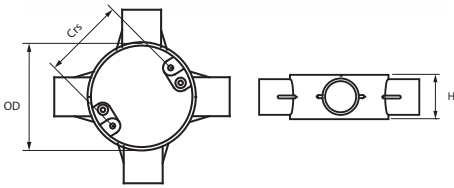
Mã sản phẩm <i>Item Code</i>	Kích thước - Size (mm)	
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Bề dày ống <i>Wall Thickness (mm)</i>
Φ16D1E	16	1.10
Φ20D1E	20	1.30
Φ25D1E	25	1.40
Φ32D1E	32	1.60



# PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN | PVC RIGID FITTINGS

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## HỘP CHIA NGÁ KIỂU V (Không bao gồm nắp) - V STYLE FLUSH JUNCTION BOX

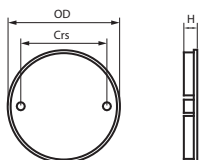


Dùng cho loại ống <i>For conduit (D in mm)</i>	Kích thước - Size (mm)		
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Khoảng cách lỗ vít <i>Distance between 2 screwing holes CRS (mm)</i>	Cao <i>Height (H)</i>
<b>HỘP NỐI 1 ĐƯỜNG PVC/ TERMINAL - ONE WAY BOX</b>			
16	65	50	40
20	65	50	40
25	65	50	40
32	65	50	40
<b>HỘP NỐI 2 ĐƯỜNG PVC/ THROUGH - TWO WAY BOX</b>			
16	65	50	40
20	65	50	40
25	65	50	40
32	65	50	40
<b>HỘP NỐI 2 ĐƯỜNG VUÔNG GÓC PVC/ ANGLE - TWO WAY BOX</b>			
16	65	50	40
20	65	50	40
25	65	50	40
32	65	50	40
<b>HỘP NỐI 3 ĐƯỜNG PVC/ TEE - THREE WAY BOX</b>			
16	65	50	40
20	65	50	40
25	65	50	40
32	65	50	40
<b>HỘP NỐI 4 ĐƯỜNG PVC/ INTERSECTION - FOUR WAY BOX</b>			
16	65	50	40
20	65	50	40
25	65	50	40
32	65	50	40

## NẮP ĐẬY HỘP CHIA NGÁ KIỂU V (Kèm vít) - JUNCTION BOX LID



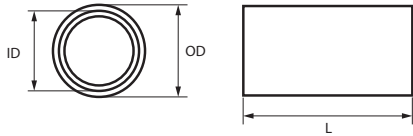
Dùng cho loại ống <i>For conduit (D in mm)</i>	Kích thước - Size (mm)		
	Đường kính ngoài <i>Nominal O.D. (mm)</i>	Khoảng cách lỗ vít <i>(CRS)</i>	Cao <i>Height (H)</i>
	65	50	7



# PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN | PVC RIGID FITTINGS

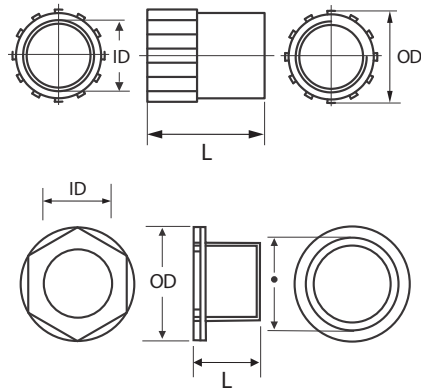
Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## KHỚP NỐI TRƠN - COUPLINGS



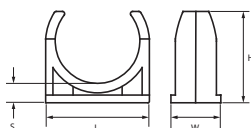
Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)		
	Đường kính trong Inside Diameter (ID)	Đường kính ngoài Outside Diameter (OD)	Dài Length (L)
16	16	20	35
20	20	24	38
25	25	29	49
32	32	37	60
40	40	46	58
50	50	56	79
60	60		
63	63		

## KHỚP NỐI REN & ĐẦU VẶN RĂNG - FEMALE ADAPTERS & BUSH



Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)		
	Đường kính trong Inside diameter (ID)	Đường kính ngoài Outside diameter (OD)	Dài Length (L)
<b>KHỚP NỐI REN/ FEMALE ADAPTERS</b>			
16	16	21	29
20	20	26	34
25	25	31	40
32	32	39	48
40	40	45	46
50	50	56	58
<b>ĐẦU VẶN RĂNG (Dùng với khớp ren)/ BUSHING FOR FEMALE ADAPTER</b>			
16	11.5	22.5	14
20	15	24	15
25	19	29.5	16
32	25	37	18
40	34	48	19
50	43.5	57	20

## KẸP ĐỠ ỐNG - CONDUIT CLIPS

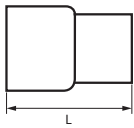


Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)			
	S	L	H	W
16	6.0	22	24	13.5
20	7.5	26	26	18.5
25	7.5	32	29	18.5
32	7.5	40	32	18.5
40	8.0	48	41.5	23

# PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN | PVC RIGID FITTINGS

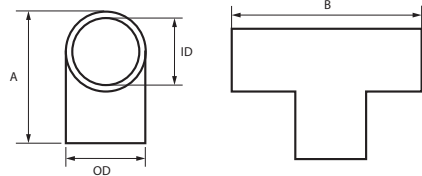
Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## CÚT THU - REDUCERS



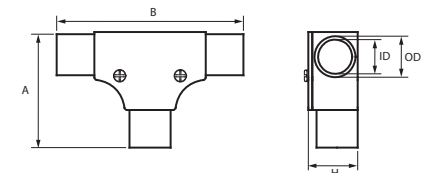
Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)				Dài Length (L)
	Đường kính trong Inside Diameter (ID)		Đường kính ngoài Outside Diameter (OD)		
	ID1	ID2	OD1	OD2	
20/16	20.3	16.3	23.8	19.8	43
25/20	25.3	20.3	29.1	24.1	48
32/25	32.3	25.3	36.3	29.3	52
40/25	40.3	25.3	44.3	29.3	60

## TÊ KHÔNG NẮP - TEE



Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)			
	ID	OD	A	B
16	16	20	37	56
20	20	25	46	63
25	25	30	55	77
32	32	37	63	84
40	40	46	70	95
50	50	55	83	105

## TÊ CÓ NẮP - INSPECTION TEE

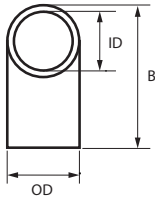
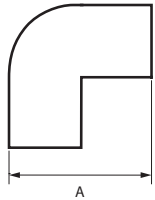


Dùng cho loại ống For conduit (D in mm)	Kích thước - Size (mm)				
	ID	OD	A	B	H
16	16	20	54	88	24
20	20	25	66	110	29
25	25	30	74	121	31
32	32	37	75	122	41
40	40	46	78	120	49

# PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN | PVC RIGID FITTINGS

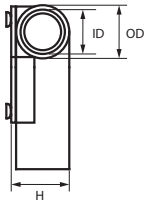
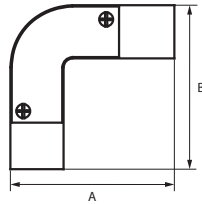
Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## CÚT CHỮ L KHÔNG NẮP - ELBOW



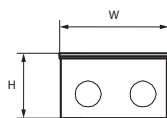
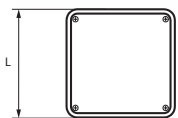
Dùng cho loại ống <i>For conduit (D in mm)</i>	Kích thước - Size (mm)			
	ID	OD	A	B
16	16	20	38	38
20	20	25	45	45
25	25	30	52	52
32	32	37	61	61
40	40	46	71	71
50	50	55	82	82

## CÚT CHỮ L CÓ NẮP - INSPECTION ELBOW



Dùng cho loại ống <i>For conduit (D in mm)</i>	Kích thước - Size (mm)				
	ID	OD	A	B	H
16	16	20	55	55	24
20	20	25	61	61	28
25	25	30	82	82	36
32	32	37	92	92	40

## HỘP NỐI ÂM TƯỜNG (CÓ LỖ CHỜ SẴN) - FLUSH ADAPTABLE BOX



Diễn giải <i>Description</i>	Kích thước - Size (mm)		
	L	W	H
3 x 3 x 2	80	80	50
4 x 4 x 2	110	110	50
4 x 4 x 3	110	110	80
6 x 6 x 2	160	160	50
6 x 6 x 3	160	160	80
7 x 7 x 3	185	185	80
9 x 9 x 3	235	235	80

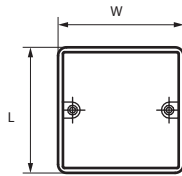
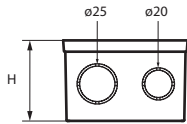
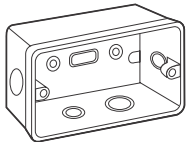
# PHỤ KIỆN ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN | PVC RIGID FITTINGS

Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn **IEC 61386-21:2002/ TCVN 7417-21:2015**

## HỘP ĐỂ ÂM ĐƠN - FIRE RESISTANT FLUSH BOX



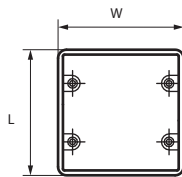
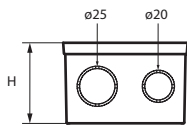
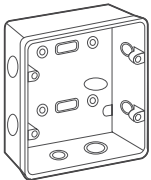
Diễn giải Description	Kích thước - Size (mm)		
	L	W	H
	106	65	40



## HỘP ĐỂ ÂM ĐÔI - FIRE RESISTANT DOUBLE FLUSH BOX



Diễn giải Description	Kích thước - Size (mm)		
	L	W	H
	130	105	40





**CHỨNG NHẬN HỢP QUY  
SẢN PHẨM ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN**



**CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN  
SẢN PHẨM ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN**



[www.hoavinh.com.vn](http://www.hoavinh.com.vn)

## Công ty Cổ phần PMT.P&E

 **Địa chỉ:** Lô CN1, Khu công nghiệp Tam Dương 1, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

 **Website:** [www.hoavinh.com.vn](http://www.hoavinh.com.vn)

 **Email:** [lienhe@hoavinh.com.vn](mailto:lienhe@hoavinh.com.vn)